UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 211 /BC-SCT

Quảng Trị, ngày 23 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI THÁNG 02 NĂM 2018

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Do hoạt động sản xuất công nghiệp bị gián đoạn trong và sau dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, nên chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 02/2018 giảm mạnh (-14,1%) so với tháng trước và giảm 1,85% so với tháng cùng kỳ năm trước; Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm lần lượt là 23,64% và 17,87% so với tháng trước; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí và ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải lần lượt tăng 7,8% và 3,03% so với tháng trước.

Tính từ đầu năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp đạt mức tăng 7,75% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 27,46%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,18%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,55%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,26% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Trong tháng 2/2018, một số sản phẩm công nghiệp có mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Lốp xe các loại tăng 82,17%; săm xe máy, xe đạp tăng 72,15%; ván ép tăng 38,24%; xi măng tăng 20,69%; quần áo may sẵn tăng 11,8%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 10,58%; điện thương phẩm tăng 9,79%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm chững lại và giảm như: Phân hóa học giảm 53,94%; tấm lợp Phibro xi măng giảm 53,85%; bia lon giảm 32,56%; gạch xây giảm 16,87%; dăm gỗ giảm 16,27%; nước hoa quả, tăng lực giảm 12,17%; điện sản xuất giảm 11,31%; tinh bột sắn giảm 4,2%; đá xây dựng giảm 5,02% so với cùng kỳ năm trước.

2. Lĩnh vực thương mại và giá cả

Bước sang tháng 2/2018 trùng với dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018, các hoạt động kinh doanh thương mại diễn ra khá sôi động, đặc biệt vào dịp sát tết Nguyên Đán, nhu cầu mua sắm của người dân tăng so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02/2018 ước đạt 2317,86 tỷ đồng, tăng 3,56% so với tháng trước và tăng 26,43% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.996,01 tỷ đồng, tăng 3,77% so với tháng trước và tăng 28,56% so với tháng cùng kỳ năm trước.

- Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 321,85 tỷ đồng, tăng 2,24% so với tháng trước và tăng 14,8% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 225,72 tỷ đồng, tăng 15,3%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,1 tỷ đồng, tăng 8,56%; dịch vụ khác ước đạt 94,03 tỷ đồng, tăng 13,78% so với cùng kỳ năm trước.

Cộng dồn hai tháng đầu năm 2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 4.556,12 tỷ đồng, tăng 10,68% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02/2018 tăng 1,83% so với tháng trước; tăng 2,25% so với tháng 12 năm trước và tăng 3,06% so với tháng cùng kỳ năm trước.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổng hợp ý kiến và hoàn thiện Kế hoạch phối hợp với Hội doanh nghiệp về cải thiện Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp 2018; Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh để gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các đề án khuyến công tỉnh năm 2018; Báo cáo công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp- làng nghề trên địa bàn tỉnh năm 2017; Tổng hợp tình hình thực hiện khuyến công cấp huyện trên địa bàn.

- Nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện gió trên địa bàn huyện Hướng Hóa; Chuẩn bị nội dung làm việc với Đoàn Công ty Infunde Development về dự án điện gió trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất UBND tỉnh văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ về bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy nhiệt điện than Quảng Trị 2. Bổ sung Dự án nhà máy điện mặt trời LIG- Quảng Trị vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh.

- Chỉ đạo công tác đấu tranh chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018. Triển khai công tác đảm bảo hàng hóa, bình ổn thị trường trước dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn năm 2018.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh năm 2018; Thành lập Ban chỉ đạo dự án do Viện Mekong tài trợ giai đoạn 2017 – 2019.

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2018 của Sở.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Sở Công Thương. Ban hành các Kế hoạch liên quan công tác pháp chế năm 2018; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2018; Kế hoạch cải cách hành chính, chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI); Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018.

- Tổ chức Hội nghị cán bộ công chức, người lao động năm 2018; Chuẩn bị các hoạt động Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 lành mạnh, văn minh, an toàn, tiết kiệm. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 theo quy định. Tổ chức thực hiện trực Tết Nguyên đán, bảo vệ tài sản, an ninh; thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ tại cơ quan Sở.

- Đề nghị xét tuyển đặc cách vào viên chức thuộc Trung tâm Khuyến công &Xúc tiến thương mại tỉnh; Đăng ký cấp bổ sung chứng thư số (chữ ký số) của Sở.

IV. Một số công tác trọng tâm tháng 3 năm 2018

- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị 1; Hoàn chỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở giữ liệu Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh; Tổ chức lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp định kỳ trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện, tham mưu tổ chức ký kết Chương trình phối hợp giữa Sở Công Thương và Hiệp hội Doanh nghiệp về chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp 2018; Triển khai các nhiệm vụ án tái cơ cấu lại ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và phát triển bền vững đến năm 2020

- Triển khai tuyên truyền Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh giai đoạn 2018 – 2022; Tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến gắn với lợi thế về phát triển nguồn nguyên liệu; nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Xây dựng Đề án phát triển công nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn đến năm 2025.

- Triển khai Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tham mưu đề xuất chủ trương điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp và công nhận các cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn.

- Kiểm tra, rà soát các đề án khuyến công trên địa bàn; Tham mưu triển khai công tác bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh lần thứ 4, năm 2018; Tổng hợp, đánh giá tình hình hỗ trợ khuyến công cấp huyện và đề xuất bố trí vốn 2018.

- Hoàn chỉnh, trình cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh 2016 -2025 có xét đến 2035 (Hợp phần I –kể cả Quy hoạch phát triển điện mặt trời).

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng "Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam" theo Kế hoạch công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của tỉnh năm 2018; Tổ chức thực hiện Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý và kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn tỉnh ban hành.

- Triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại, Thương mại điện tử tỉnh năm 2018; Phối hợp với Văn phòng Dự án Viện Mê Kông triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển thương mại qua biên giới.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2018; Báo cáo giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri kỳ họp thứ 6 khóa VII; Báo cáo tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa VII.

- Xây dựng Kế hoạch và thực hiện các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 của Sở.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương theo Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 02 năm 2018 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 3 năm 2018; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Quân Chính;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê Quảng Trị;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;
- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT
Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 02 và 02 tháng năm 2018

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=2/1*	*7=2/4*	*8=3/5*
I	***Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu***	**Sản phẩm**								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	*Tấn*	733	549	1282	620	1253	74,90%	88,55%	102,31%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	*Tấn*	576,00	417	993	349	543	72,40%	119,54%	182,93%
3	Đá xây dựng	*M3*	40924	34280	75204	36091	75170	83,77%	94,98%	100,05%
4	Tinh bột sắn	*Tấn*	7726	6889	14615	7191	15326	89,17%	95,80%	95,36%
5	Bia lon	*1000 lít*	1150	700	1850	1038	1830	60,87%	67,44%	101,09%
6	Nước hoa quả, tăng lực	*1000 lít*	1205	880	2085	1002	1911	73,03%	87,83%	109,11%
7	Bộ com-lê, quần áo	*1000 cái*	682,00	502	1184	449	910	73,61%	111,80%	130,11%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	*M3*	9599	8059	17658	7288	15954	83,96%	110,58%	110,68%
9	Dăm gỗ	*Tấn*	30323	22235	52558	26557	59407	73,33%	83,73%	88,47%
10	Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	*M3*	18650	18000	36650	13021	28040	96,51%	138,24%	130,71%
11	Dầu nhựa thông	*Tấn*	80	60	140	70	160	75,00%	85,71%	87,50%
12	Colophan và axit nhựa cây	*Tấn*	361	340	701	250	821	94,18%	136,00%	85,38%
13	Phân hoá học (NPK)	*Tấn*	4456	2000	6456	4342	7167	44,88%	46,06%	90,08%
14	Lốp xe các loại	*1000 cái*	241	235	476	129	234	97,69%	182,17%	203,23%
15	Săm xe các loại	*1000 cái*	508	500	1008	290	523	98,45%	172,15%	192,55%
16	Gạch xây	*1000 viên*	10406	9153	19559	11010	19495	87,96%	83,13%	100,33%
17	Tấm lợp pro xi măng	*1000 m2*	272	178	450	386	622	65,43%	46,15%	72,38%
18	Xi măng	*Tấn*	19525	18700	38225	15494	34979	95,77%	120,69%	109,28%
19	Điện sản xuất	*Triệu KWh*	32	39	71	44	74	122,25%	88,69%	96,15%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=2/1*	*7=2/4*	*8=3/5*
20	Điện thương phẩm	*Triệu KWh*	46	46	92	42	84	101,10%	109,79%	109,06%
21	Nước máy	*1000 m3*	927	935	1862	893	1890	100,86%	104,71%	98,52%
II	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ**	**Tỷ đồng**	**2238,26**	**2317,86**	**4556,12**	**1833,36**	**4116,56**	**103,56%**	**126,43%**	**110,68%**
1	**Doanh thu bán lẻ hàng hóa**	**Tỷ đồng**	**1923,47**	**1996,01**	**3919,48**	**1553,01**	**3543,72**	**103,77%**	**128,52%**	**110,60%**
	Phân theo loại hình kinh tế	**Tỷ đồng**								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	179,49	182,23	361,72	165,21	328,26	101,53%	110,30%	110,19%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	-	-	-	-	-	-	-	-
1,3	Kinh tế Cá thể	"	1141,40	1202,50	2343,90	899,67	2124,44	105,35%	133,66%	110,33%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	602,59	611,28	1213,87	488,12	1091,02	101,44%	125,23%	111,26%
1,5	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ**		**314,80**	**321,85**	**636,64**	**280,35**	**572,83**	**102,24%**	**114,80%**	**111,14%**
2,1	**Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)**	**Tỷ đồng**	**221,80**	**227,82**	**449,62**	**197,71**	**401,49**	**102,71%**	**115,23%**	**111,99%**
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		219,79	225,72	445,51	195,77	397,63	102,70%	115,30%	112,04%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,01	2,10	4,11	1,93	3,85	104,56%	108,56%	106,59%
2,2	**Doanh thu hoạt động dịch vụ khác**	"	**92,99**	**94,03**	**187,02**	**82,64**	**171,35**	**101,11%**	**113,78%**	**109,15%**

SỞ CÔNG THƯƠNG
Biểu 02/SCT

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 02/2018

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 01/2018		Tháng 02/2018			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 02/2018 so với tháng 02/2017
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 12 năm 2017	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng 01/2017	So với tháng 02/2018	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	**118,58**	**117,63**	**101,86**	**85,90**	**98,15**	**107,75**
1. Công nghiệp khai khoáng	82,55	137,16	63,03	76,36	116,65	127,46
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	126,56	119,25	103,95	82,13	95,42	107,18
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	110,20	105,69	118,79	107,80	103,51	104,55
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	93,94	100,52	96,79	103,03	104,01	102,26